

NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN SINH HỌC 8

Câu 1. Cơ nào dưới đây ngăn cách khoang ngực và khoang bụng?

- A. Cơ hoành.
- B. Cơ ức đòn chũm.
- C. Cơ liên sườn.
- D. Cơ nhị đầu.

Câu 2. Căn cứ vào đâu để người ta phân chia các nơron thành ba loại: nơron hướng tâm, nơron trung gian và nơron li tâm?

- A. Hình thái.
- B. Tuổi thọ.
- C. Chức năng.
- D. Cấu tạo.

Câu 3. Loại mạch nào sau đây có lòng trong hẹp nhất?

- A. Động mạch chủ.
- B. Tĩnh mạch.
- C. Mao mạch.
- D. Động mạch phổi.

Câu 4. Chất độc nào dưới đây có nhiều trong khói thuốc lá?

- A. Hêrôin.
- B. Côcain.
- C. Moocphin.
- D. Nicôtin.

Câu 5. Hệ cơ quan nào phân bố ở hầu hết các nơi trong cơ thể?

- A. Hệ hô hấp.
- B. Hệ bài tiết.
- C. Hệ tiêu hóa.
- D. Hệ tuần hoàn.

Câu 6. Hai chức năng cơ bản của nơron là

- A. cảm ứng và phân tích các thông tin.
- B. dẫn truyền xung thần kinh và xử lý thông tin.
- C. cảm ứng và dẫn truyền xung thần kinh.
- D. tiếp nhận và trả lời kích thích.

Câu 7. Một cung phản xạ được xây dựng từ bao nhiêu yếu tố?

- A. 3 yếu tố.
- B. 4 yếu tố.
- C. 5 yếu tố.
- D. 6 yếu tố.

Câu 8. Cơ thể người có bao nhiêu đôi xương sườn?

- A. 10 đôi.
- B. 13 đôi.
- C. 11 đôi.
- D. 12 đôi.

Câu 9. Xương có tính chất gì?

- A. Mềm dẻo.
- B. Vững chắc.
- C. Đàn hồi và vững chắc.
- D. Mềm dẻo và vững chắc.

Câu 10. Loại tế bào máu nào dưới đây có đặc điểm trong suốt, kích thước khá lớn, có nhân?

- A. Hồng cầu.
- B. Bạch cầu.
- C. Tiểu cầu.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 11. Tế bào limphô T có khả năng tiết ra chất nào dưới đây?

- A. Prôtêin độc.
- B. Kháng thể.
- C. Kháng nguyên.
- D. Kháng sinh.

Câu 12. Tim co chu kì, mỗi chu kì gồm mấy pha?

- A. 2 pha.
- B. 3 pha.
- C. 4 pha.
- D. 5 pha.

Câu 13. Cơ quan nào không có ở đường dẫn khí trong hệ hô hấp?

- A. Hầu.
- B. Thanh quản.
- C. Phổi.
- D. Sụn nhẫn.

Câu 14. Khi chúng ta chạy cật lực thì hệ cơ quan nào dưới đây sẽ tăng cường hoạt động?

- A. Hệ vận động.
- B. Hệ hô hấp.
- C. Hệ tuần hoàn.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 15. Loại xương nào dưới đây được xếp vào nhóm xương dài?

- A. Xương hộp sọ.
- B. Xương đùi.
- C. Xương cánh chậu.
- D. Xương sườn.

Câu 16. Thành phần nào dưới đây không có trong cấu tạo của xương ngắn?

- A. Mô xương cứng.
- B. Mô xương xốp.
- C. Khoang xương.
- D. Tất cả các phương án đưa ra.

Câu 17. Hiện tượng mỗi cơ có liên quan mật thiết đến sự sản sinh loại axit hữu cơ nào?

- A. Axit axêtic.
- B. Axit lactic.
- C. Axit malic.
- D. Axit acrylic.

Câu 18. Cơ sẽ bị duỗi tối đa trong trường hợp nào dưới đây?

- A. Mọi cơ.
- B. Liệt cơ.
- C. Viêm cơ.
- D. Xơ cơ.

Câu 19. Ở người bình thường, trung bình mỗi chu kì thì tim nghỉ ngơi hoàn toàn trong bao lâu?

- A. 0,3 giây.
- B. 0,4 giây.
- C. 0,5 giây.
- D. 0,1 giây.

Câu 20. Cơ thể người có khoảng bao nhiêu phé nang?

- A. 500-600 triệu phé nang.
- B. 600-700 triệu phé nang.
- C. 700-800 triệu phé nang.
- D. 800-900 triệu phé nang.

Câu 21. Tác nhân nào gây viêm, sưng lớp niêm mạc, cản trở trao đổi khí; có thể gây chết ở liều cao?

- A. Bụi.
- B. Nitơ oxit.
- C. Vi sinh vật gây bệnh.
- D. Lưu huỳnh oxit.

Câu 22. Dịch ruột và dịch mật đổ vào bộ phận nào của ống tiêu hoá?

- A. Tá tràng.
- B. Manh tràng.
- C. Dạ dày.
- D. Ruột già.

Câu 23. Rau xanh, cà chua, quả tươi,... có chứa nhiều loại vitamin nào nhất?

- A. Vitamin A.
- B. Vitamin B.
- C. Vitamin C.
- D. Vitamin D.

Câu 24. Loại đồ ăn nào dưới đây đặc biệt có lợi cho hệ tim mạch?

- A. Kem.
- B. Sữa tươi.
- C. Cá hồi.
- D. Lòng đỏ trứng gà.

Câu 25. Nguyên nhân chính gây ra hiện tượng ợ chua là

- A. ăn nhiều thực phẩm có vị chua.
- B. nuốt nhiều hơi khi ăn, uống.
- C. ăn quá no.
- D. bỏ ăn lâu ngày.

-----Hết-----